

## SO SÁNH ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÁC CHI DONG RIÊNG (*CANNACEAE*) Ở MỘT SỐ TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Nguyễn Trọng Cần<sup>1</sup>, Nguyễn Minh Chon<sup>2</sup>, Lê Nguyễn Trọng Nghi<sup>1</sup> và Nguyễn Tuấn Anh<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Khoa Nông nghiệp và Sinh học Ứng dụng, Trường Đại học Cần Thơ

<sup>2</sup> Viện Nghiên cứu & Phát triển Công nghệ Sinh học, Trường Đại học Cần Thơ

### Thông tin chung:

Ngày nhận: 19/12/2013

Ngày chấp nhận: 28/08/2014

### Title:

Collection and classification about plants of *Cannaceae* in some provinces of the Mekong Delta

### Từ khóa:

Cây Dong riềng, họ *cannaceae*, chi *canna*

### Keywords:

Edible *canna*, *Cannaceae*, *canna*

### ABSTRACT

In Vietnam, plants of the genus *Canna* (*Cannaceae*) are mainly of the wild type which can be used as arrow-root and ornamental plants. For the objectives of their preservation and efficient use, it is necessary to describe and classify them. Therefore, this study was carried out to classify plants of *canna* which were collected in different ecological areas. Their basic and special characteristics are helpful to recognize them. Results showed that they can be classified into 3 species: *Canna hybrida* Forst, *Canna indica* L. and *Canna edulis* Ker Gawl. Basing on the morphologic characteristics and other analyses, nine (9) edible clones were classified, with four in deep red flower, one pink flower, one yellow and red spot flower, one yellow and red flower, one deep yellow flower and one pale yellow flower. Results also showed that 5 edible *canna* clones with their flowers are very beautiful which can be used as ornamental plants, and the remaining clones can be used as arrow-root or other purposes.

### TÓM TẮT

Ở Việt Nam, dong riềng được tìm thấy chủ yếu là các dạng hoang dại bên cạnh một số loài được trồng lấy củ và được dùng như hoa cảnh. Để bảo tồn và sử dụng hiệu quả các loài, cần thiết phải có những mô tả và phân loại chúng. Nhằm mục đích trên, đề tài “Sưu tập và đánh giá các chi dong riềng (*Canna*) ở một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long” đã được thực hiện để phân nhóm các loài dong riềng sưu tập được ở các vùng sinh thái khác nhau. Việc xác định các đặc điểm cơ bản và đặc biệt của chúng sẽ giúp cho việc nhận diện các loài dong riềng nhằm tạo cơ sở cho việc bảo tồn, khai thác thương mại và làm nguồn chọn tạo giống. Từ kết quả quan sát về những đặc điểm hình thái của các mẫu sưu tập và các phân tích khác đã xác định được 3 loài: *Canna hybrida* Forst, *Canna indica* L, *Canna edulis* Ker Gawl. Trong đó, có 4 dòng dong riềng hoa màu đỏ, 1 dòng dong riềng màu hồng, 1 dòng màu vàng đốm đỏ, 1 dòng hoa hai màu vàng đỏ, 1 dòng hoa màu vàng lọt, 1 dòng hoa màu vàng đậm. Đã xác định được 5 dòng dong riềng có hoa to đẹp, hoa nở thường xuyên và có thể sinh trưởng, phát triển tốt trong chậu nên có thể trồng làm hoa kiểng. Các dòng dong riềng còn lại thì có thể dùng ăn củ hoặc sử dụng cho các mục đích nghiên cứu khác.

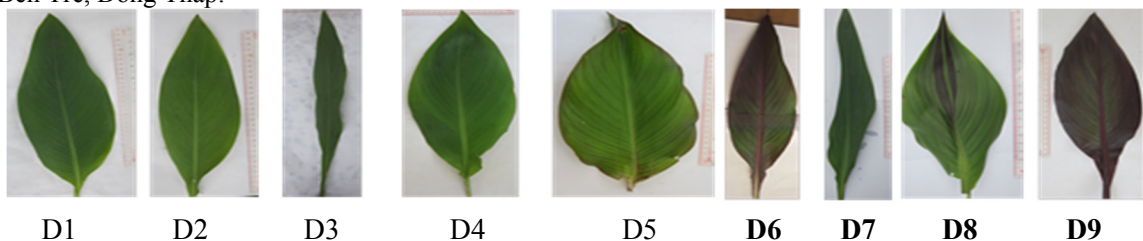
## 1 GIỚI THIỆU

Cây dong riềng (*Cannaceae*) là một loại cây có nguồn gốc từ châu Mỹ (Đặng Minh Quân, 2011) và được trồng nhiều nơi trên thế giới. Cây thân thảo sống nhiều năm có thân rễ mọc bò, thường có củ hoặc những sợi có thớ, thân đơn hay chỉ phân nhánh ở phần trên (Võ Văn Chi, 2004). Dong riềng có thể trồng trên nhiều dạng địa hình khác nhau, thích nghi với nhiều kiểu khí hậu. Là cây dễ tính, có nhu cầu dinh dưỡng khoáng không cao, phù hợp với loại hình đất dốc núi cao. Cây rất đa dạng về loài, hình dáng, kích thước và màu sắc. Cây dong riềng là loài cây có giá trị kinh tế cao, về mặt dinh dưỡng, y học và trong cảnh quan. Ngày nay, cây dong riềng ngày càng được trồng nhiều hơn không chỉ ở miền núi mà còn cả ở đồng bằng. Chúng được trồng khắp nơi không đơn thuần để ăn, để chữa bệnh mà còn còn sử dụng trong việc trang trí hay làm cảnh trong các sân vườn, biệt thự,... Tuy nhiên, chưa có nhiều tài liệu nghiên cứu về nhóm này. Sự hiểu biết về hình thái và các đặc điểm thực vật của các loài dong riềng giúp có thể phân biệt và bố trí một cách hợp lý trong việc chăm sóc và trang trí. Do đó, đề tài “So sánh đặc điểm hình thái và sinh trưởng của các chi dong riềng (*Cannaceae*) ở một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long” được thực hiện nhằm hiểu rõ về đặc điểm hình thái, sinh trưởng của các dòng dong riềng giúp nhận biết, phân biệt và chọn ra các dòng dong riềng cho hoa đẹp phù hợp trong thiết kế cảnh quan.

## 2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1 Phương tiện

Nguyên liệu: Các dòng dong riềng đã sưu tập ở bốn tỉnh trồng nhiều là Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Đồng Tháp.



**Hình 1: Lá non của chín dòng dong riềng 14 ngày tuổi**

Ghi chú: D1: Dòng hoa hồng cánh lớn lá xanh; D2: Dòng hoa vàng đốm đỏ cánh lớn; D3: Dòng hoa vàng lọt cánh nhỏ lá xanh; D4: Dòng hoa đỏ cánh lớn lá xanh; D5: Dòng hoa đỏ cánh nhỏ lá xanh; D6: Dòng hoa đỏ cánh nhỏ lá đỏ; D7: Dòng hoa vàng đậm cánh nhỏ lá xanh; D8: Dòng hoa hai màu (vàng + đỏ); D9: Dòng hoa đỏ cánh lớn lá tím

**Hình dáng:** Lá dong riềng non có dạng to hay nhỏ thon dài tùy theo mỗi loài. Mép của lá non mới mọc ra thường thẳng, đến giai đoạn lá trưởng thành mép lá sẽ gợn sóng hoặc không gợn sóng tùy

Hóa chất: Phân bón và các loại thuốc bảo vệ thực vật.

### 2.2 Phương pháp

Các dòng dong riềng được sưu tập ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long như Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Đồng Tháp và sau đó được trồng theo dõi các đặc tính sinh trưởng, các đặc điểm hình thái để so sánh và phân biệt sự khác nhau. Kỹ thuật trồng dong riềng là trộn đất: Giá thể sử dụng trong thí nghiệm là xơ dừa, tro trấu, đất tỉ lệ là 1 : 1 : 1 trộn đều cân 5 kg giá thể cho vào túi nhựa đen có lỗ thoát nước đường kính 25 cm, cao 20 cm. Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên, có 9 nghiệm thức, 3 lần lặp lại, mỗi lần lặp lại là 3 chậu. Mỗi chậu lấy chỉ tiêu ba cây, mỗi cây được đánh dấu lá thứ 3 tính từ dưới gốc lên. Tương tự như vậy, mỗi cây cũng được đánh dấu ba chùm hoa và lấy các chỉ tiêu về số liệu hoa là dựa trên trung bình các hoa trong chùm hoa. Những đặc điểm hình thái được khảo sát gồm: hình dạng, màu sắc, kích thước của thân, lá, hoa của các dòng dong riềng sưu tập.

Cách đo chiều cao cây (cm): được đo từ phần gốc đến phần cao nhất của cây.

Kích thước hoa và cánh hoa (cm): là đo chiều cao và đo đường kính lớn nhất.

## 3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1 Lá dong riềng

**Lá non:** Lá hoa dong riềng non là những lá mới bắt đầu mọc ra được 5 -7 ngày và có màu xanh nhạt phiến lá chưa mở ra. Sau một thời gian, lá non sẽ lớn dần và thay đổi màu sắc, kích thước thành lá trưởng thành.

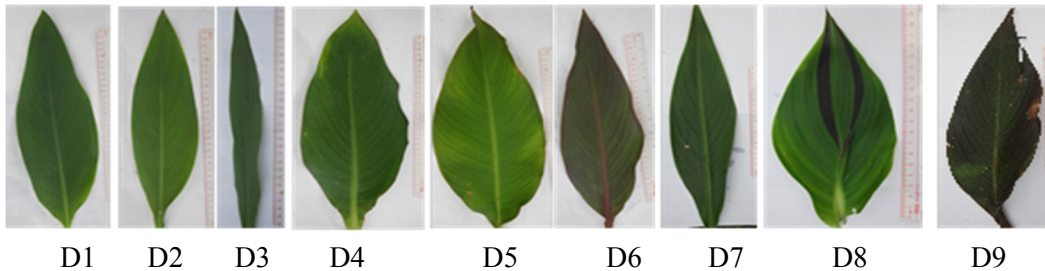
theo từng loài. Các dòng D2, D3, D6, D7 là những cây có lá nhỏ thon dài. Dòng D1, D4, D5, D8, D9 thường to thon dài hơn các loài trên.

**Màu sắc:** Khi cây trong giai đoạn sinh trưởng thì lá non có màu xanh nhạt, màu tím nhạt và có gân lá to màu xanh, màu tím và các gân phụ song song. Các dòng D9 và dòng D6 có lá màu tím, gân giữa to, gân phụ song song và cũng có màu tím nhưng dòng D5 chỉ có gân phụ song song và có màu tím. Các dòng còn lại có lá màu xanh nhạt đến màu xanh đậm gân giữa to, gân phụ song song màu xanh đậm.

**Lá trưởng thành**

**Hình dạng:** Lá hoa dong riềng non có dạng to hay nhỏ thuôn dài tùy theo mỗi loài. Giai đoạn lá trưởng thành mép lá sẽ dợn sóng hoặc không dợn sóng tùy theo từng loài. Hình dạng lá trưởng thành không khác biệt nhiều so với giai đoạn lá non.

**Màu sắc:** Lá trưởng thành có màu xanh lục đậm, màu xanh lục bóng hay màu tím đậm hơn so với giai đoạn lá non tùy theo mỗi loài.



**Hình 2: Lá trưởng thành của chín dòng dong riềng**

**Chiều dài lá dong riềng**

Chiều dài lá của chín dòng dong riềng khác biệt ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Ở giai đoạn 7 ngày, dòng D6 có chiều dài lá lớn nhất 30,02 cm và thấp nhất là dòng D7 18,87 cm. Đến giai đoạn 49 ngày dòng D3 có chiều dài lớn nhất 34,56 cm, dòng có chiều dài trung bình là dòng D9 và dòng D7 có chiều dài thấp nhất 26,11 cm (Bảng 1).

**Chiều rộng lá dong riềng**

Chiều dài lá của chín dòng dong riềng khác biệt ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Ở giai đoạn 7 ngày sau khi trồng, dòng D9 có chiều dài lá lớn nhất 13,13 cm và thấp nhất là dòng D7 5,6 cm. Ở giai đoạn 49 ngày dòng D7 vẫn có chiều dài nhỏ nhất 7,15 cm và dòng D9 có chiều dài lớn nhất 16,2 cm (Bảng 2).

**Bảng 1: So sánh chiều dài lá dong riềng sau khi trồng**

Dòng (D)	Chiều dài lá (cm)			
	7 ngày	21 ngày	35 ngày	49 ngày
D1	22,81e	26,38c	28,95b	31,36c
D2	24,39d	25,97cd	27,06c	27,44d
D3	28,49b	31,30a	32,97a	34,56b
D4	26,92c	28,92b	30,35b	31,66c
D5	24,77d	28,16b	29,61b	31,77c
D6	30,02a	32,54a	34,57a	36,79a
D7	18,87f	21,85e	24,23d	26,11d
D8	22,42e	24,58d	26,06c	27,58d
D9	25,33d	28,50b	29,83b	33,00bc
F (D)	**	**	**	**
CV (%)	3,09	3,13	3,48	3,32

**Bảng 2: So sánh chiều rộng lá dong riềng**

Dòng (D)	Chiều rộng lá (cm)			
	7 ngày	21 ngày	35 ngày	49 ngày
D1	12,20bc	12,59bc	12,82cd	13,10c
D2	10,42d	10,97de	11,31de	11,69cd
D3	7,76e	8,28f	8,64f	9,047e
D4	12,38b	13,60b	14,19bc	14,96b
D5	15,32a	16,99a	18,32a	19,76a
D6	10,13d	10,53e	10,92e	11,45d
D7	5,60f	6,04g	6,45g	7,15f
D8	11,05cd	11,92cd	12,44de	13,20c
D9	13,13b	13,90b	14,67b	16,20b
F (D)	**	**	**	**
CV (%)	6,30	6,43	6,96	6,52

Ghi chú: trên cùng một cột, các số trung bình có chữ theo sau dòng nhau thì khác biệt không ý nghĩa thống kê qua phép thử Duncan và \*\*: Mức ý nghĩa 1%

Ghi chú: trên cùng một cột, các số trung bình có chữ theo sau dòng nhau thì khác biệt không ý nghĩa thống kê qua phép thử Duncan và \*\*: Mức ý nghĩa 1%

D1: Dòng hoa hồng cánh lớn lá xanh; D2: Dòng hoa vàng đốm đỏ cánh lớn; D3: Dòng hoa vàng lọt cánh nhỏ lá xanh; D4: Dòng hoa đỏ cánh lớn lá xanh; D5: Dòng hoa đỏ cánh nhỏ lá xanh; D6: Dòng hoa đỏ cánh nhỏ lá đỏ; D7: Dòng hoa vàng đậm cánh nhỏ lá xanh; D8: Dòng hoa hai màu (vàng + đỏ); D9: Dòng hoa đỏ cánh lớn lá tím

**3.2 Đặc điểm hình thái chiều cao cây dong riềng**

Dong riềng là cây thân thảo, có thân rễ ngầm, phân nhánh, sinh ra những thân khí sinh mọc đứng cao đến 1,5 m (Vũ Văn Chuyên, 1971). Kích thước chiều cao cây của chín dòng dong riềng đều khác

biệt có ý nghĩa về mặt thống kê ở mức ý nghĩa 1%. Ở giai đoạn 7 ngày sau khi trồng, dòng chiều dài lá lớn nhất là D3 50,77 cm và thấp nhất là dòng D7 27,43 cm. Giai đoạn 49 ngày dòng D7 vẫn có chiều dài nhỏ nhất 57,92 cm và dòng D3 có chiều dài lớn nhất 122,7 cm (Bảng 3).

**Bảng 3: So sánh chiều cao cây dong riêng**

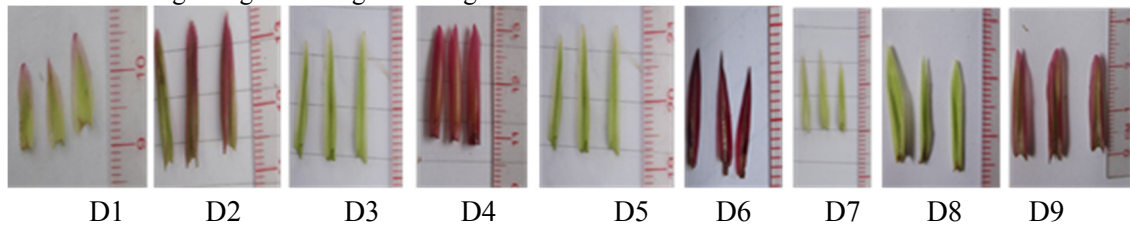
Dòng (D)	Chiều cao cây (cm)			
	7 ngày	21 ngày	35 ngày	49 ngày
D1	46,94b	60,37bc	69,87bc	72,20c
D2	47,49b	59,21cd	66,61cd	71,64c
D3	50,77 a	71,34 a	91,6 a	122,70a
D4	42,82c	56,05cd	66,01cd	75,72c
D5	43,47c	54,97d	65,83cd	76,06c
D6	47,83b	64,32b	74,13b	82,61b
D7	27,43d	37,75e	49,00e	57,92d
D8	46,50b	57,17cd	64,23d	70,94c
D9	46,67b	55,00d	67,00cd	81,33b
F (D)	**	**	**	**
CV (%)	3,23	4,12	3,71	3,80

Ghi chú: trên cùng một cột, các số trung bình có chữ theo sau dòng nhau thì khác biệt không ý nghĩa thống kê qua phép thử Duncan và \*\*: Mức ý nghĩa 1%

**3.3 Đặc điểm hình thái hoa**

**3.3.1 Kích thước lá dài**

Lá dài dong riêng là những mảnh ngắn màu



**Hình 3: Lá dài của 9 dòng dong riêng**

**3.3.2 Kích thước cánh hoa**

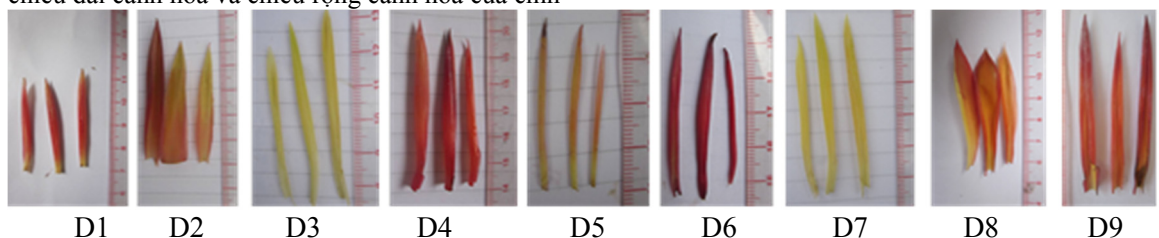
Cánh hoa dong riêng gồm 3 mảnh màu xanh nhạt hình mũi mác nhọn dài. Dòng D3 có cánh hoa màu vàng nhạt hơn dòng D7. Các dòng còn lại cánh hoa có màu tím nhạt đến màu tím đậm. Trong đó, dòng D5 cánh hoa có màu tím nhạt nhất, dòng D6 cánh hoa có màu tím đậm nhất. Chỉ tiêu về chiều dài cánh hoa và chiều rộng cánh hoa của chín

đồng dong riêng đều khác biệt ý nghĩa về mặt thống kê ở mức 1%. Trong đó, chiều dài cánh hoa dòng D9 là cao nhất 6,81 cm và chiều rộng cánh hoa lớn nhất là dòng D8 là 1,91 cm. Bên cạnh đó dòng D5 có chiều dài cánh hoa và rộng lá dài ngoài nhỏ nhất so với các dòng còn lại (4,02 cm và 0,76 cm) (Bảng 5).

**Bảng 4: So sánh chiều dài và chiều rộng lá dài**

Dòng (D)	Chiều dài (cm)	Chiều rộng (cm)
D1	1,20g	0,80d
D2	1,30f	0,80d
D3	1,20g	1,00b
D4	2,00c	1,00b
D5	1,70d	1,00b
D6	1,50e	1,00b
D7	0,90h	0,71e
D8	2,10b	0,90c
D9	2,50a	1,50a
F (D)	**	**
CV (%)	1,98	3,27

Ghi chú: trên cùng một cột, các số trung bình có chữ theo sau dòng nhau thì khác biệt không ý nghĩa thống kê qua phép thử Duncan và \*\*: Mức ý nghĩa 1%



**Hình 4: Cánh hoa dong riêng**

**Bảng 5: So sánh chiều dài và chiều rộng cánh hoa**

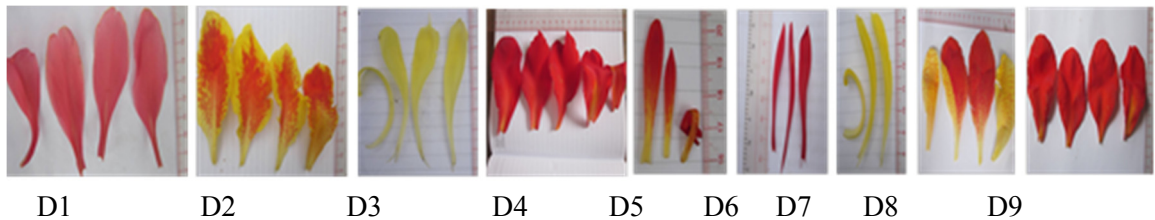
Dòng (D)	Chiều dài (cm)	Chiều rộng (cm)
D1	5,00c	1,39c
D2	5,01c	1,78c
D3	4,93c	0,97c
D4	5,78b	1,91b
D5	4,02e	0,76e
D6	4,68d	0,99d
D7	4,60d	0,99d
D8	6,70a	1,91a
D9	6,81a	1,89a
F (D)	**	**
CV(%)	2,24	2,26

Ghi chú: trên cùng một cột, các số trung bình có chữ theo sau dòng nhau thì khác biệt không ý nghĩa thống kê qua phép thử Duncan và \*\*: Mức ý nghĩa 1%

3.3.3 Kích thước cánh nhị

a. Kích thước trung bình các cánh nhị không mang bao phấn

Màu sắc chủ yếu của hoa dong riêng do những nhị đực có màu sắc sặc sỡ làm thành. Dòng D1 có nhị đực màu hồng. Dòng D4, D9, D6, D5 có nhị



**Hình 5: Cánh nhị không mang bao phấn hoa của chín dòng dong riêng**

b. Kích thước nhị mang bao phấn

Nhị hoa mang bao phấn của chín dòng dong riêng về màu sắc giống như nhị không mang bao phấn của mỗi dòng. Nhưng về kích thước thì chúng nhỏ hơn nhị không mang bao phấn. Nhị mang bao phấn này có túi phấn tham gia vào quá trình sinh sản. Chỉ tiêu về chiều dài nhị và chiều rộng nhị trên của chín dòng dong riêng đều khác biệt ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Trong đó, chiều dài nhị (8,5 cm) và chiều rộng nhị (2,7 cm) của dòng D9 là cao nhất. Chiều dài nhị thấp nhất dòng D5 là 2,7 cm và dòng hoa D7 có chiều rộng nhị là thấp nhất 0,6 cm (Bảng 7).

đực màu đỏ. Bên cạnh đó, dòng D2 có nhị đực màu vàng đậm đỏ. Dòng D7 có nhị đực đậm hơn dòng D3. Chiều dài nhị và chiều rộng nhị trên cây của chín dòng dong riêng khác biệt có ý nghĩa ở mức ý nghĩa 1%. Dòng D4 có chiều dài nhị lớn nhất 9,77 cm, dòng D5 có chiều rộng nhị nhỏ nhất là 0,77 (Bảng 6).

**Bảng 6: So sánh chiều dài và chiều rộng nhị**

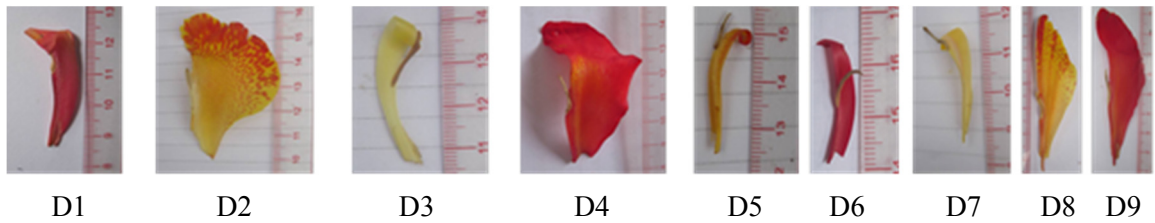
Dòng	Chiều dài (cm)	Chiều rộng (cm)
D1	8,04c	3,40a
D2	9,43ab	4,67a
D3	6,76d	1,39b
D4	9,77a	3,51a
D5	4,09e	0,77b
D6	6,95d	1,27b
D7	6,67d	1,48b
D8	9,67ab	4,80a
D9	9,27b	4,68a
F	**	**
CV(%)	2,99	3,04

Ghi chú: trên cùng một cột, các số trung bình có chữ theo sau dòng nhau thì khác biệt không ý nghĩa thống kê qua phép thử Duncan và \*\*: Mức ý nghĩa 1%

**Bảng 7: So sánh chiều dài và chiều rộng nhị mang bao phấn**

Dòng (D)	Chiều dài (cm)	Chiều rộng (cm)
D1	5,10 d	2,20 e
D2	5,00 f	2,30 d
D3	6,00 c	0,90 f
D4	8,50 a	2,60 b
D5	2,70 h	0,70 g
D6	3,70 g	0,70 g
D7	5,01 e	0,60 h
D8	8,00 b	2,50 c
D9	8,50 a	2,70 a
F (D)	**	**
CV(%)	1,81	1,87

Ghi chú: trên cùng một cột, các số trung bình có chữ theo sau dòng nhau thì khác biệt không ý nghĩa thống kê qua phép thử Duncan và \*\*: Mức ý nghĩa 1%



**Hình 6: Cánh nhị mang bao phấn hoa của chín dòng dong riềng**

*c. Kích thước vòi nhụy*

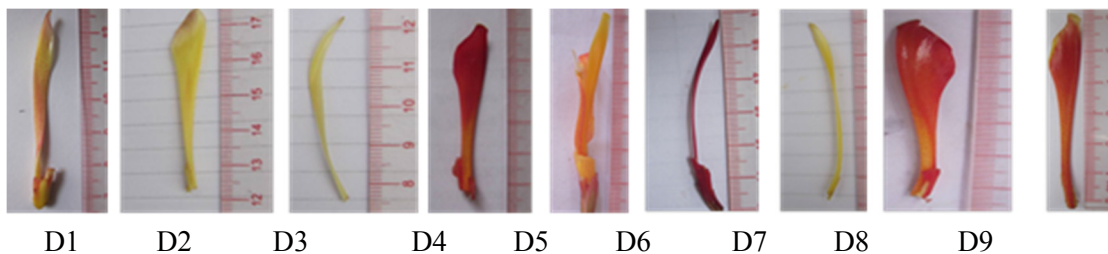
Vòi nhụy có hình bán đẹt, có màu tham gia vào việc hấp dẫn sâu bọ. Trên vòi nhụy có núm nhụy

tham gia vào quá trình sinh sản. Vòi nhụy và núm nhụy có màu vàng ở các dòng D2, D3, D7. Các dòng còn lại có màu tía nhạt đến tía đậm (Bảng 8).

**Bảng 8: So sánh vòi nhụy hoa dong riềng**

Dòng (D)	Chiều dài (cm)	Chiều rộng (cm)
D1	3,40f	0,70b
D2	3,60e	0,80a
D3	7,00a	0,40d
D4	6,00b	0,70b
D5	4,30d	0,30e
D6	5,50c	0,10g
D7	6,03b	0,21f
D8	5,50c	0,60c
D9	6,00b	0,70b
F (D)	**	**
CV(%)	5,60	6,30









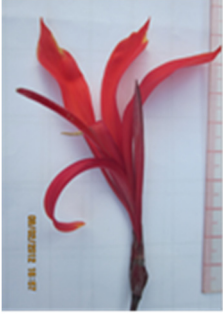

Ghi chú: trên cùng một cột, các số trung bình có chữ theo sau dòng nhau thì khác biệt không ý nghĩa thống kê qua phép thử Duncan và \*\*: Mức ý nghĩa 1%






**Hình 7: Hình vòi nhụy của chín dòng dong riềng**

**Bảng 9: Đặc điểm nhận diện của 9 dòng dong riềng sưu tập và tên khoa học của các dòng dong riềng sưu tập theo Võ Văn Chi, 2004**

Ký hiệu	Tên dòng	Đặc điểm nhận diện	Hình ảnh minh họa
Dòng hoa hồng cánh lớn lá xanh (D1)	<i>Canna hybrida forst</i>	Hoa to màu hồng, nở hoàn toàn. Nhị đực có màu hồng. Lá màu xanh, có dạng thuôn dài.	

Ký hiệu	Tên dòng	Đặc điểm nhận diện	Hình ảnh minh họa	
Dòng hoa vàng đốm đỏ cánh lớn (D2)	<i>Canna hybrida forst</i>	Hoa to màu vàng có đốm đỏ, nở hoàn toàn. Nhị đực có màu vàng đốm đỏ. Lá màu xanh nhạt có dạng thuôn dài.		
Dòng hoa vàng lợt cánh nhỏ lá xanh (D3)	<i>Canna indicat</i>	Hoa nhỏ màu vàng lợt, nở hoàn toàn. Nhị đực của hoa có màu vàng lợt. Lá có dạng thuôn dài màu xanh.		
Dòng hoa đỏ cánh lớn lá xanh (D4)	<i>Canna hybrida forst</i>	Hoa to nở hoàn toàn có màu đỏ. Nhị đực của hoa rất lớn có màu đỏ. Lá màu xanh to bản rộng.		
Dòng hoa cánh nhỏ lá xanh (D5)	<i>Canna edulis Ker Gawl</i>	Hoa nhỏ nở hoàn toàn có màu đỏ. Nhị đực của hoa rất nhỏ màu đỏ. Lá to màu xanh có gân lá màu tía trên nền lá xanh.		
Dòng hoa đỏ cánh nhỏ lá tía (D6)	<i>Cann indicat</i>	Hoa nhỏ nở hoàn toàn có màu đỏ. Nhị đực của hoa rất nhỏ màu đỏ. Lá nhỏ, thân và lá có màu tía.		

Ký hiệu	Tên dòng	Đặc điểm nhận diện	Hình ảnh minh họa
Dòng hoa vàng đậm cánh nhỏ lá xanh (D7)	<i>Canna indica</i>	Hoa nhỏ màu vàng đậm, nở hoàn toàn. Nhị đực của hoa có màu vàng đậm. Lá có dạng thuôn dài màu xanh.	
Dòng hoa hai màu (vàng và đỏ) (D8)	<i>Canna hybrida forst</i>	Hoa to nở hoàn toàn có màu đỏ và vàng. Nhị đực của hoa rất lớn có màu đỏ và đỏ. Lá màu xanh và có những vết màu tía.	
Dòng đỏ cánh lớn lá tía (D9)	<i>Canna hybrida forst</i>	Hoa to nở hoàn toàn có màu đỏ. Nhị đực của hoa rất lớn có màu đỏ. Lá to và thân có màu tía.	

#### 4 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

##### 4.1 Kết Luận

Các dòng dong riêng trồng làm thí nghiệm có thể xác định trong 3 loài thuộc chi *Canna* là *Canna indica*, *Canna hybrida forst*, *Canna edulis Ker Gawl*. Dựa vào đặc điểm của lá, thân, hoa có thể phân biệt được chín dòng dong riêng, bên cạnh đó có thể dựa vào màu sắc hoa có thể chia thành 6 dạng, trong đó có 4 dòng dong riêng hoa màu đỏ, 1 dòng dong riêng màu hồng, 1 dòng màu vàng đậm đỏ, 1 dòng hoa hai màu vàng đỏ, 1 dòng hoa màu vàng lợt, 1 dòng hoa màu vàng đậm. Có 5 dòng dong riêng có hoa to đẹp, hoa nở thường xuyên và có thể sinh trưởng, phát triển tốt trong chậu nên có thể trồng làm hoa kiểng: dong riêng hồng cánh lớn lá xanh (D1), vàng đậm đỏ cánh lớn (D2), đỏ cánh lớn lá xanh (D4), hoa lai hai màu vàng - đỏ cánh lớn (D8), đỏ cánh lớn lá tía (D9).

##### 4.2 Đề xuất

– Có thể trồng 5 dòng dong riêng trên trong thiết kế cảnh quan.

– Sử dụng các biện pháp lai tạo thích hợp để có thể tạo ra các dòng mới.

– Tiếp tục nghiên cứu về dược liệu của các dòng vừa mới sưu tập được.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Minh Quân. 2011. Bài giảng phân loại thực vật tập 2 thực vật bậc cao. Trường Đại học Cần Thơ
2. Võ Văn Chi. 2004. Từ điển thực vật thông dụng. NXB Khoa học và Kỹ thuật
3. Vũ Văn Chuyên. 1971. Thực vật học tập 2. NXB Y Học.